

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 03 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 33/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ; Trụ sở: Số 2* N, phường T, quận H, TP.H; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lô Thành T**, bà **Bùi Thu T** – Cán bộ Ngân hàng.

- **Bị đơn:** Ông **Đỗ Tuấn L**, sinh năm 1987; ĐKKHKT và nơi ở: 1** L, phường P, quận H, thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Ông **Đỗ Tuấn L** xác nhận có ký kết với Ngân hàng TMCP Đ 02 Hợp đồng tín

dụng. Cụ thể:

- **Hợp đồng tín dụng số 963/HĐTD/PVB-HBT ngày 12/12/2019:** Phương thức cho vay: Hợp đồng cho vay trả góp; Hạn mức/Số tiền cho vay: 120.000.000 đồng Thời gian cho vay (tháng): 60 tháng; Tổng số tiền đã giải ngân: 120.000.000 đồng; Dư nợ gốc tại thời điểm 20/12/2022: 85.375.478 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng; Phương thức trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc: Hàng kỳ, Kỳ hạn trả nợ lãi: Mỗi tháng 01 lần, vào ngày 05 hàng tháng; Lãi suất: Lãi suất áp dụng kể từ thời điểm giải ngân: 11,2%/năm, Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần, Lãi suất cho vay = LSTG13 + 3,2%/năm Trong đó LSTG13 là lãi suất tiền gửi tiết kiệm Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố từng thời kỳ, Lãi suất quá hạn hiện tại 17,55 %/năm

- **Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng 11121810471180/TTD-PVB ngày 10/12/2018** (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng): Hạn mức thẻ: 30,000,000 VNĐ (Ba mươi triệu đồng chẵn); Mục đích: tiêu dùng; Lãi suất: lãi suất áp dụng theo Quy định của Đ; Phí: Phí trả nợ trước hạn và các loại phí khác áp dụng theo Quy định của Đ từng thời kỳ.

Ông Đỗ Tuấn L xác nhận tạm tính đến ngày 19/03/2025, ông Đỗ Tuấn L còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền: 227.087.474 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng). Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 963/HĐTD/PVB-HBT ngày 12/12/2019. Tổng số: 134.430.706 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 85.357.478 đồng (Tám mươi lăm triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng); Nợ lãi trong hạn: 10.140.935 đồng (Mười triệu một trăm bốn mươi nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng); Nợ lãi quá hạn là 35.739.637 đồng (Ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng); Lãi chậm trả: 3.192.656 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng).

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng 11121810471180/TTD-PVB ngày 10/12/2018 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Tổng số: 92.656.768 đồng (Chín mươi hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng); Trong đó, Nợ gốc: 16.895.168 đồng (Mười sáu triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi tám đồng); Nợ lãi: 34.107.975 đồng (Ba mươi tư triệu một trăm linh bảy nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng); Phí: 41.653.625 đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

b. Phương án trả nợ cụ thể như sau:

+ Chậm nhất vào ngày 30 của các tháng 4,5,6 năm 2025 ông Đỗ Tuấn L thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ mỗi tháng 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

+ Chậm nhất vào ngày 30/7/2025, ông Đỗ Tuấn L thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số nợ gốc và lãi còn lại là: 77.087.473 đồng (Bảy mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày 20/03/2025, ông Đỗ Tuấn L tiếp tục chịu lãi suất và phí theo thỏa thuận về lãi suất và phí quy định trong Hợp đồng tín dụng số 963/HĐTD/PVB-HBT ngày 12/12/2019 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng 11121810471180/TTD-PVB ngày 10/12/2018 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trong trường hợp ông Đỗ Tuấn L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền buộc ông Đỗ Tuấn L phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi còn lại kể cả các kỳ chưa đến hạn.

c. Về án phí:

- Ông Đỗ Tuấn L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 5.677.187 đồng (Năm triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm tám mươi bảy đồng).

- Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0024771 ngày 13/03/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Minh Hoàn